



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021**

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021**



Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09 - 09
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 42



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) – hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 02/03/2020) với vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 50.161.240.000 đồng.

Trụ sở của Công ty : 246 Khu phố Cây Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0274.3.658.278 Fax: 0274.3.625.379

Người đại diện pháp luật : Trương Văn Hiện – Giám đốc Công ty.

Công ty có 2 chi nhánh:

- Chi nhánh Bình Dương – Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh 3700762464-001 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2013 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Địa chỉ của Chi nhánh tại ấp Đồng Chinh, xã Phước Hoà, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Hoạt động chính của Chi nhánh là khai thác sét để sản xuất gạch ngói và một phần để bán.
- Chi nhánh Bình Phước – Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh 3700762464-002 đăng ký lần đầu ngày 13/03/2017 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Địa chỉ của Chi nhánh tại ấp 1, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Hoạt động chính của Chi nhánh là sản xuất và kinh doanh đá xây dựng các loại (không khai thác mỏ đá).

Hoạt động chính của Công ty

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Sản xuất kinh doanh đá xây dựng các loại tại Chi nhánh Bình Phước.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Hội đồng quản trị Công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	22/04/2021
- Ông Huỳnh Thanh Sơn	Việt Nam	Thành Viên	22/04/2021
- Ông Trần Thiện Thế	Việt Nam	Thành Viên	22/04/2021
- Bà Phạm Thị Băng Trang	Việt Nam	Thành Viên	22/04/2021
- Ông Phạm Ngũ Cơ	Việt Nam	Thành Viên	22/04/2021

Giám đốc Công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Trương Văn Hiện	Việt Nam	Giám đốc	26/12/2019

Ban kiểm soát

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	22/04/2021	-
- Bà Nguyễn Thị Ánh	Việt Nam	Thành viên	22/04/2021	-
- Bà Mai Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Thành viên	22/04/2021	-
- Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Việt Nam	Thành viên	23/04/2016	22/04/2021
- Bà Trần Thị Thu Hương	Việt Nam	Thành viên	23/04/2016	22/04/2021

Kế toán trưởng

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Hứa Ngọc Chính	Việt Nam	01/12/2006

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2021


GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG VĂN HIỆN

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Cao Cấp phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30/06/2021.

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2021


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

MAI VĂN CHÁNH

Số: 502 /BCSX/TC/2021/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 08 năm 2021 từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

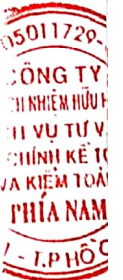
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS
Phó Tổng Giám Đốc



Lưu Vinh Khoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0166-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.798.932.285	22.517.744.991
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	3.115.299.532	65.898.158
1. Tiền	111		3.115.299.532	65.898.158
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.059.814.760	2.730.004.850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.2	5.068.363.488	2.712.750.316
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.892.000	55.000.000
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(27.440.728)	(37.745.466)
III. Hàng tồn kho	140		17.223.721.532	17.900.094.807
1. Hàng tồn kho	141	6.4	17.223.721.532	17.900.094.807
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.400.096.461	1.821.747.176
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.5.1	586.766.955	895.822.791
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		139.681.631	206.103.230
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	6.10	673.647.875	719.821.155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.218.710.970	63.391.470.065
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		712.939.198	647.856.118
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.3	712.939.198	647.856.118
II. Tài sản cố định	220		3.020.366.675	3.294.136.774
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.6	3.020.366.675	3.294.136.774
- Nguyên giá	222		22.312.465.913	22.555.386.891
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.292.099.238)	(19.261.250.117)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		64.485.405.097	59.449.477.173
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.5.2	64.067.816.353	59.035.878.873
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.7	417.588.744	413.598.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		95.017.643.255	85.909.215.056

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.774.525.289	16.565.815.254
I. Nợ ngắn hạn	310		24.057.046.746	15.868.288.928
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.8	8.878.585.632	6.484.399.593
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.9	74.233.501	54.520.073
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.10	3.043.611.230	2.158.245.217
4. Phải trả người lao động	314		296.424.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.11	2.311.594.443	1.744.033.474
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.12	2.162.152.917	2.040.778.921
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.13	7.000.000.000	3.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		290.445.023	386.311.650
II. Nợ dài hạn	330		717.478.543	697.526.326
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	6.14	717.478.543	697.526.326
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.243.117.966	69.343.399.802
I. Vốn chủ sở hữu	410	6.15	70.243.117.966	69.343.399.802
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.161.240.000	50.161.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.161.240.000	50.161.240.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(730.457.045)	(730.457.045)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.126.473.258	17.886.671.090
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.685.861.753	2.025.945.757
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.786.143.589	131.508.632
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		899.718.164	1.894.437.125
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		95.017.643.255	85.909.215.056

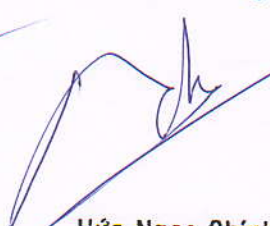
Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Hứa Ngọc Chính

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Giám đốc



Trương Văn Hiện

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	21.630.042.971	30.097.167.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		21.630.042.971	30.097.167.685
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	17.195.766.232	25.586.146.842
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.434.276.739	4.511.020.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	958.273	1.058.238
7. Chi phí tài chính	22	7.4	126.164.383	104.712.328
Trong đó: chi phí lãi vay	23		126.164.383	104.712.328
8. Chi phí bán hàng	25	7.5	840.917.011	851.564.369
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	2.041.277.606	2.222.304.004
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.426.876.012	1.333.498.380
11. Thu nhập khác	31	7.7	59.090.909	-
12. Chi phí khác	32	7.8	-	33.279.772
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		59.090.909	(33.279.772)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.485.966.921	1.300.218.608
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.10	301.183.828	264.825.177
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.11	(3.990.444)	(4.781.456)
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.188.773.537	1.040.174.887
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	7.12	188	165
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	7.13	188	165

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hứa Ngọc Chính



Hứa Ngọc Chính



Trương Văn Hiện

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.094.823.693	21.017.323.435
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(9.833.209.610)	(12.522.061.665)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.532.544.000)	(4.394.369.000)
4- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(355.433.830)	(660.160.473)
5- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		52.585.411	86.076.414
6- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(4.396.363.487)	(5.029.288.589)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.029.858.177	(1.502.479.878)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.040.505.985)	-
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		59.090.909	-
3- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		958.273	1.058.238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.980.456.803)	1.058.238
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1- Tiền thu từ đi vay	33		4.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		3.049.401.374	(1.501.421.640)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.1	65.898.158	3.380.844.130
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	6.1	3.115.299.532	1.879.422.490

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu



Hứa Ngọc Chính

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Giám đốc



Trương Văn Hiện

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 02/03/2020) với vốn điều lệ là 50.161.240.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2021 là 50.161.240.000 đồng.

Ngành, nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói, khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng (chỉ được sản xuất gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác. Tại chi nhánh Bình Phước, hoạt động chính là sản xuất, kinh doanh đá xây dựng các loại.

1.3. Số lượng lao động tại Công ty: tại ngày 30/06/2021 là 70 người (tại ngày 31/12/2020 là 75 người)

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**2.1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc vào ngày 31/12/2007. Các niên độ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Chế độ kế toán áp dụng**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Các chính sách kế toán áp dụng**5.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản Tiền gửi ngân hàng, Phải thu bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua và các khoản phải trả bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.

5.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông quan bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau

- Có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5.4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12	năm
Máy móc, thiết bị	08	năm
Thiết bị văn phòng	08	năm
Phương tiện vận tải	08	năm

5.5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.
- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.6. Phương pháp ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến kỳ kế toán hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng nằm trong quy hoạch mở sết được phân bổ trên cơ sở tổng sản lượng được phép khai thác và sản lượng thực tế khai thác. Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng nằm ngoài quy hoạch mở sết thì không phân bổ chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

5.7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

5.8. Ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

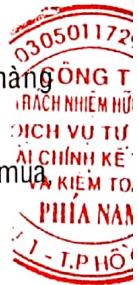
5.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận cổ tức : Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Trong kỳ, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thưởng ban quản lý điều hành công ty, Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông (TM 6.15.1. Vốn chủ sở hữu).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**5.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính : VND

6.1 TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt (VND)	1.197.642.530	23.144.578
- Tiền gửi ngân hàng	1.917.657.002	42.753.580
+ Tiền gửi (VND)	1.917.657.002	42.753.580
Cộng	<u>3.115.299.532</u>	<u>65.898.158</u>

6.2 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đại lý Lê Túy Dũng	621.530.007	359.458.635
- Đại lý Phương Nguyên	371.175.227	90.157.443
- Đại lý Trương Thanh Khải	516.787.748	262.459.153
- DNTN SX - TM - DV Xuân Hoa	277.400.900	2.200.569
- Công ty TNHH TM DV Tiến Hằng	318.350.180	200.656.299
- Công ty TNHH MTV Cây Xanh Khánh Hưng	187.630.693	274.022.427
- Công ty TNHH MTV Hiền Hải Hải	356.651.106	83.308.895
- Công ty TNHH Vận tải Trần Tuấn	230.914.618	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Sáu Thảo Tiên	213.802.219	-
- Các đối tượng khác	1.974.120.790	1.440.486.895
Cộng	<u>5.068.363.488</u>	<u>2.712.750.316</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.3 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký quỹ phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chanh	712.939.198	-	647.856.118	-
Cộng	712.939.198	-	647.856.118	-

6.4 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.239.892.498	-	2.604.806.991	-
- Công cụ, dụng cụ	23.970.341	-	14.484.649	-
- Chi phí SXKD dở dang	139.898.902	-	77.118.056	-
- Thành phẩm	14.819.959.791	-	15.203.685.111	-
Cộng	17.223.721.532	-	17.900.094.807	-

Ghi chú:

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ và đầu năm.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ và đầu năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
6.5.1. Ngắn hạn		
- Chi phí bốc dỡ đất tầng phủ, khai mương, đắp đê tại mỏ sét Đồng Chanh	499.366.543	862.329.460
- Tiền thuê đất	31.622.781	-
- Chi phí lập thiết kế mỏ sét Đồng Chanh	-	8.419.000
- Chi phí trả trước khác	55.777.631	25.074.331
Cộng	<u>586.766.955</u>	<u>895.822.791</u>
6.5.2. Dài hạn		
- Chi phí đền bù mua đất mỏ sét Đồng Chanh	60.277.606.946	56.369.951.738
Trong đó :		
+ Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong quy hoạch mỏ sét	45.759.961.946	41.852.306.738
+ Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngoài quy hoạch mỏ sét	14.517.645.000	14.517.645.000
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	3.139.341.535	1.971.425.023
- Chi phí trả trước sản xuất gạch ngói	370.965.887	358.413.623
- Chi phí trả trước tại chi nhánh Bình Phước (*)	279.901.985	336.088.489
Cộng	<u>64.067.816.353</u>	<u>59.035.878.873</u>



(*) Đây là chi phí thuê xe cơ giới vận chuyển đất đầu và thi công bờ kè máy xay đá tại Chi nhánh Bình Phước.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP. Cây Châm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021

6 .6 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	14.121.572.541	6.455.048.895	1.946.038.182	32.727.273	-	22.555.386.891
Số tăng trong kỳ	109.806.295	36.363.636	-	-	-	146.169.931
- Mua trong kỳ	-	36.363.636	-	-	-	36.363.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành	109.806.295	-	-	-	-	109.806.295
Số giảm trong kỳ	-	389.090.909	-	-	-	389.090.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	389.090.909	-	-	-	389.090.909
Số dư cuối kỳ	14.231.378.836	6.102.321.622	1.946.038.182	32.727.273	-	22.312.465.913
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	12.565.492.979	5.567.972.226	1.116.120.954	11.663.958	-	19.261.250.117
Số tăng trong kỳ	160.026.057	136.241.133	121.627.386	2.045.454	-	419.940.030
- Khấu hao trong kỳ	160.026.057	136.241.133	121.627.386	2.045.454	-	419.940.030
Số giảm trong kỳ	-	389.090.909	-	-	-	389.090.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	389.090.909	-	-	-	389.090.909
Số dư cuối kỳ	12.725.519.036	5.315.122.450	1.237.748.340	13.709.412	-	19.292.099.238
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.556.079.562	887.076.669	829.917.228	21.063.315	-	3.294.136.774
Tại ngày cuối kỳ	1.505.859.800	787.199.172	708.289.842	19.017.861	-	3.020.366.675



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .6 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
:	Không có	Không có
:	14.412.098.380	14.480.951.158
:	95.012.500	95.012.500
:	Không có	Không có
:	Không có	Không có

6 .7 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Chênh lệch tạm thời

- Chi phí phục hồi môi trường mở sét
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn 01/07/2011 đến 31/12/2013

Cộng

- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	717.478.543	697.526.326
	1.370.465.172	1.370.465.172
	2.087.943.715	2.067.991.498
	20%	20%
	417.588.744	413.598.300



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP. Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.8 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bình Dương (*)	4.198.983.387	4.198.983.387	5.136.293.065	237.159.450
- Công ty CP Đá Núi Nhỏ (*)	3.418.632.504	3.418.632.504	-	-
- DNTN Trọng Phát	146.833.830	146.833.830	237.159.450	237.159.450
- Công ty TNHH MTV Minh Ngọc Quang	338.114.700	338.114.700	678.703.410	678.703.410
- Công ty TNHH MTV Đặng Ngọc Diễm Phương	627.641.585	627.641.585	354.415.041	354.415.041
- Công ty TNHH MTV Lê Thành Lợi	113.923.800	113.923.800	64.477.600	64.477.600
- Đối tượng khác	34.455.826	34.455.826	13.351.027	13.351.027
Cộng	8.878.585.632	8.878.585.632	6.484.399.593	1.585.265.978

(*) Phải trả người bán là bên liên quan

6.9 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- CN Công ty CP XD Hạ tầng Đại Phong	19.617.916	19.617.916	23.437.116	23.437.116
- Công ty TNHH MTV Gạch Tuynel Thanh Phong	20.849.501	20.849.501	-	-
- Công ty TNHH MTV TM DV Nam Bảo	4.688.679	4.688.679	6.921.309	6.921.309
- Công ty CP XD và ĐT Hà Nội	13.951.011	13.951.011	13.951.011	13.951.011
- Đại lý Ngọc Điệp	12.008.461	12.008.461	-	-
- Các đối tượng khác	3.117.933	3.117.933	10.210.637	10.210.637
Cộng	74.233.501	74.233.501	54.520.073	54.520.073

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP. Cây Châm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021

6 .10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	Phải thu	Phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng	-	98.019.345	1.122.570.625	217.120.161	-	-	-	1.003.469.809
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	355.433.830	301.183.828	355.433.830	-	-	-	301.183.828
- Thuế thu nhập cá nhân	-	108.480.231	5.832.300	115.573.421	1.260.890	1.260.890	-	-
- Thuế tài nguyên	-	204.779.879	1.256.645.001	1.127.298.989	-	-	-	334.125.891
- Tiền thuế đất	719.821.155	-	47.434.170	-	672.386.985	672.386.985	-	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	1.370.465.172	1.354.760.669	1.354.760.669	-	-	-	1.370.465.172
- Phí bảo vệ môi trường	-	21.066.760	141.824.070	128.524.300	-	-	-	34.366.530
Cộng	719.821.155	2.158.245.217	4.234.250.663	3.302.711.370	673.647.875	3.043.611.230		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau cũng như chế độ hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế phải nộp được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP. Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX. Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

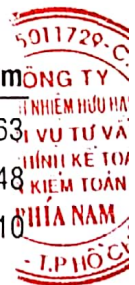
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả (*)	126.164.383	-
- Chi phí gia công xây đá xây dựng	1.940.619.412	1.744.033.474
- Chi phí quảng cáo	199.810.648	-
- Chi phí khác	45.000.000	-
Cộng	<u>2.311.594.443</u>	<u>1.744.033.474</u>

(*) Lãi vay phải trả là bên liên quan.

6 .12 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	29.830.263	29.830.263
- Kinh phí công đoàn	65.777.744	44.403.748
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.066.544.910	1.966.544.910
+ Thuế TNCN phải nộp hộ người chuyển nhượng đất mở sết	1.165.150.710	1.065.150.710
+ Phải trả cổ tức cho Công ty CP Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương (*)	900.007.200	900.007.200
+ Khác	1.387.000	1.387.000
Cộng	<u>2.162.152.917</u>	<u>2.040.778.921</u>

(*) Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP. Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .13 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ (*)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Bà Đặng Thị Kim Tân (*) (ii)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Cộng	7.000.000.000	7.000.000.000	4.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000

(*) Là bên liên quan.

(i) Hợp đồng vay vốn số 10/HĐCV-NN17 ngày 29 tháng 3 năm 2017; Phụ lục hợp đồng số 04-10/PLHĐ-NN19 ngày 28/12/2019 gia hạn đến 31/12/2020; Phụ lục hợp đồng số 05-10/PLHĐ-NN19 ngày 31/12/2020 gia hạn đến 31/12/2021.

- Hạn mức cho vay: 7.000.000.000 VNĐ (Bảy tỷ đồng);
- Mục đích: Mở rộng mô sét Đồng Chính 2;
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận khoản vay;
- Lãi suất: 5%/năm.

(ii) Hợp đồng vay vốn số: 01/HĐCV-KT21 ngày 29 tháng 4 năm 2021.

- Hạn mức cho vay: 4.000.000.000 VNĐ (Bốn tỷ đồng);
- Mục đích: Mua đất mô sét Đồng Chính giai đoạn 2;
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận khoản vay;
- Lãi suất: 7,5%/năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.14 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí cải tạo phục hồi môi trường mỏ sét Đồng Chanh	717.478.543	697.526.326
Cộng	<u><u>717.478.543</u></u>	<u><u>697.526.326</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP. Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021**6 .15 VỐN CHỦ SỞ HỮU****6.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số dư tại ngày 01.01.2020	50.161.240.000	(730.457.045)	17.235.764.458	-	3.774.089.664	70.440.637.077
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.040.174.887	1.040.174.887
- Trích lập các quỹ	-	-	650.906.632	-	(869.343.357)	(218.436.725)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng BQL</i>	-	-	-	-	(218.436.725)	(218.436.725)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	650.906.632	-	(650.906.632)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.991.674.400)	(2.991.674.400)
Số dư tại ngày 30.06.2020	50.161.240.000	(730.457.045)	17.886.671.090	-	953.246.794	68.270.700.839
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.357.846.789	1.357.846.789
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(285.147.826)	(285.147.826)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng BQL</i>	-	-	-	-	(285.147.826)	(285.147.826)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01.01.2021	50.161.240.000	(730.457.045)	17.886.671.090	-	2.025.945.757	69.343.399.802
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.188.773.537	1.188.773.537
- Trích lập các quỹ	-	-	239.802.168	-	(528.857.541)	(289.055.373)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng BQL(*)</i>	-	-	-	-	(289.055.373)	(289.055.373)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	239.802.168	-	(239.802.168)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30.06.2021	50.161.240.000	(730.457.045)	18.126.473.258	-	2.685.861.753	70.243.117.966

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận trong kỳ theo tỷ lệ của Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP. Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021

6.15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	15.000.120.000	15.000.120.000
- Cổ phiếu quỹ (mệnh giá)	300.000.000	300.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	34.861.120.000	34.861.120.000
Cộng	50.161.240.000	50.161.240.000

6.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.161.240.000	50.161.240.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	50.161.240.000	50.161.240.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	2.991.674.400

6.15.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.016.124	5.016.124
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.016.124	5.016.124
+ Cổ phiếu phổ thông	5.016.124	5.016.124
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	30.000	30.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000	30.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.986.124	4.986.124
+ Cổ phiếu phổ thông	4.986.124	4.986.124
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

6.15.5. Cổ tức

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông :		
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu :	không phát sinh	không phát sinh
+ Trả cổ tức bằng tiền mặt / Cổ tức đã công bố - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi :	không phát sinh	6%/ cổ phần không phát sinh
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận :	không phát sinh	không phát sinh

6.15.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	18.126.473.258	17.886.671.090



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
DOANH THU		
- Doanh thu bán gạch ngói	9.439.411.393	11.851.364.927
- Doanh thu bán đất sét	5.902.794.244	3.143.225.373
- Doanh thu bán đá xây dựng	6.067.252.134	14.497.029.785
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	220.585.200	605.547.600
Cộng	21.630.042.971	30.097.167.685
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (Cổ đông lớn)	375.126.980	11.861.974.416
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	-	-
DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	21.630.042.971	30.097.167.685

7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Giá vốn sản phẩm gạch ngói	8.614.666.147	11.067.906.927
- Giá vốn đất sét, cát kẹp	3.349.728.219	2.282.202.522
- Giá vốn đá xây dựng	5.041.612.466	11.698.173.666
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	189.759.400	537.863.727
Cộng	17.195.766.232	25.586.146.842

7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Lãi tiền gửi	958.273	1.058.238
Cộng	958.273	1.058.238

7.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Lãi vay	126.164.383	104.712.328
Cộng	126.164.383	104.712.328



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	413.305.454	392.022.409
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	417.338.831	459.541.960
- Chi phí bằng tiền khác	10.272.726	-
Cộng	840.917.011	851.564.369

(*) Chi phí dịch vụ mua ngoài chủ yếu là tiền thuê xe xúc đá xây dựng bán cho khách hàng.

7.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	1.573.562.167	1.627.864.997
- Chi phí vật liệu quản lý	45.564.923	20.435.335
- Chi phí đồ dùng văn phòng	82.643.178	50.939.999
- Chi phí khấu hao TSCĐ	51.784.092	51.784.092
- Thuế, phí, lệ phí	22.811.389	41.179.656
- Chi phí trợ cấp thôi việc	9.204.262	27.132.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	195.206.091	314.919.591
- Chi phí bằng tiền khác	60.501.504	88.048.334
Cộng	2.041.277.606	2.222.304.004

7.7 THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Thanh lý tài sản cố định	59.090.909	-
Cộng	59.090.909	-

7.8 CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Truy thu và phạt chậm nộp thuế	-	26.502.772
Cộng	-	33.279.772

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.279.392.509	20.389.440.982
- Chi phí công cụ	142.766.409	53.184.025
- Chi phí nhân công	4.982.595.522	4.945.246.681
- Chi phí khấu hao TSCĐ	455.262.305	510.603.271
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.750.239.382	9.692.490.156
- Chi phí bằng tiền khác	1.648.931.788	4.032.619.986
Cộng	21.259.187.915	39.623.585.101

7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	301.183.828	264.825.177
Cộng	301.183.828	264.825.177

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.485.966.921	1.300.218.608
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận tính thuế TNDN	19.952.217	23.907.279
+ Chênh lệch vĩnh viễn: Tăng (+), Giảm (-)	-	-
+ Chênh lệch tạm thời: Tăng (+), Giảm (-)	19.952.217	23.907.279
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định như sau:</i>		
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	1.505.919.138	1.324.125.887
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	301.183.828	264.825.177
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	301.183.828	264.825.177

7.11 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(3.990.444)	(4.781.456)
Cộng	(3.990.444)	(4.781.456)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

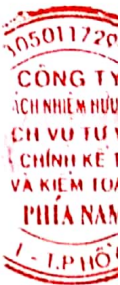
(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.188.773.537	1.040.174.887
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	249.642.443	218.436.725
- Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.986.124	4.986.124
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	188	165

7.13 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.188.773.537	1.040.174.887
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	249.642.443	218.436.725
- Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.986.124	4.986.124
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	188	165



8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có

8.3 Giải trình lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm trước

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2021 tăng 148,6 triệu đồng tương đương tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do năm nay Công ty tăng cường khai thác và kinh doanh đất sét, đây là mặt hàng Công ty có tỷ lệ lãi gộp cao.

8.4 Thông tin về các bên liên quan

8.4.1. Bên có liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương

Cổ đông lớn

Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ

Công ty liên kết của Cổ đông lớn

Bà Đặng Thị Kim Tân

Vợ của Chủ tịch HĐQT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8.4 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

8.4.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
Chủ tịch HĐQT	18.878.000	19.148.000
Thành viên HĐQT (3 thành viên)	28.316.000	28.723.000
Thư ký HĐQT	2.831.000	2.873.000
Trưởng Ban Kiểm Soát	9.439.000	9.574.000
Thành viên Ban Kiểm Soát (2 thành viên)	9.439.000	9.574.000
Giám đốc	151.200.000	145.800.000
Kế toán trưởng	100.800.000	97.200.000
Cộng	320.903.000	312.892.000

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong 06 tháng đầu năm 2021 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương			
	Phải thu tiền bán sản phẩm	412.639.678	13.048.171.858
	Đã thu tiền bán sản phẩm	412.639.678	13.048.171.858
	Phải trả tiền mua hàng	289.300.000	11.821.825.451
	Đã thanh toán tiền mua hàng	1.226.609.678	11.995.260.244
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ			
	Phải trả tiền mua hàng	4.493.699.693	-
	Đã thanh toán tiền mua hàng	1.075.067.189	-
	Lãi vay phải trả	74.383.561	104.712.328
Bà Đặng Thị Kim Tân			
	Vay tiền	4.000.000.000	-
	Lãi vay phải trả	51.780.822	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8.4 Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương			
	Phải trả tiền mua hàng	4.198.983.387	5.136.293.065
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ			
	Phải trả tiền mua hàng	3.418.632.504	-
	Phải trả gốc vay	3.000.000.000	3.000.000.000
	Phải trả lãi vay	74.383.561	-
Bà Đặng Thị Kim Tân			
	Phải trả gốc vay	4.000.000.000	-
	Phải trả lãi vay	51.780.822	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP. Cây Châm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021

9. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

9.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán hoạt động kinh doanh của Công ty theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét		Kinh doanh đá xây dựng, khác		Tổng	
	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước	06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
Kết quả kinh doanh bộ phận								
- Doanh thu	9.439.411.393	11.851.364.927	5.902.794.244	3.143.225.373	6.287.837.334	15.102.577.385	21.630.042.971	30.097.167.685
- Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giá vốn	8.614.666.147	11.067.906.927	3.349.728.219	2.282.202.522	5.231.371.866	12.236.037.393	17.195.766.232	25.586.146.842
- Lợi nhuận gộp	824.745.246	783.458.000	2.553.066.025	861.022.851	1.056.465.468	2.866.539.992	4.434.276.739	4.511.020.843
Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn								
- Chi phí khấu hao trong kỳ	265.465.135	295.535.922	82.586.147	71.875.608	71.888.748	71.888.748	419.940.030	439.300.278
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	110.138.440	115.314.899	1.211.160.742	1.186.643.843	56.186.504	128.369.604	1.377.485.686	1.430.328.346



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 KP. Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX. Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2021

9.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét		Kinh doanh đá xây dựng, khác		Tổng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản bộ phận								
- Tài sản cố định hữu hình								
Nguyên giá	18.741.022.254	18.983.943.232	2.421.223.659	2.421.223.659	1.150.220.000	1.150.220.000	22.312.465.913	22.555.386.891
Hao mòn lũy kế	16.532.525.479	16.656.151.253	2.187.681.379	2.105.095.232	571.892.380	500.003.632	19.292.099.238	19.261.250.117
Giá trị còn lại	2.208.496.775	2.327.791.979	233.542.280	316.128.427	578.327.620	650.216.368	3.020.366.675	3.294.136.774
- Chi phí trả trước dài hạn								
Giá trị ban đầu	3.123.794.485	2.914.049.751	90.940.810.638	84.654.078.176	1.493.086.205	1.493.086.205	95.557.691.328	89.061.214.132
Phân bổ lũy kế	2.752.828.598	2.555.636.128	27.523.862.157	26.312.701.415	1.213.184.220	1.156.997.716	31.489.874.975	30.025.335.259
Giá trị còn lại	370.965.887	358.413.623	63.416.948.481	58.341.376.761	279.901.985	336.088.489	64.067.816.353	59.035.878.873
- Tài sản không phân bổ								
- Tổng tài sản							95.017.643.255	85.909.215.056



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

10.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm nay, các nghiệp vụ bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ là không đáng kể.

Độ nhạy về ngoại tệ

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

10.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không có khả năng thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với nhà phân phối: Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

10.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<u>< 1 năm</u>	<u>Từ 01 - 05 năm</u>	<u>> 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	8.878.585.632	-	-	8.878.585.632
Chi phí phải trả và dự phòng phải trả	2.311.594.443	-	717.478.543	3.029.072.986
Các khoản phải trả khác	2.162.152.917	-	-	2.162.152.917
Cộng	13.352.332.992	-	717.478.543	14.069.811.535
Số đầu năm				
Phải trả người bán	6.484.399.593	-	-	6.484.399.593
Chi phí phải trả và dự phòng phải trả	1.744.033.474	-	697.526.326	2.441.559.800
Các khoản phải trả khác	2.040.778.921	-	-	2.040.778.921
Cộng	10.269.211.988	-	697.526.326	10.966.738.314

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

11. TÀI SẢN ĐẢM BẢO**11.1. Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

11.2. Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.115.299.532	65.898.158	3.115.299.532	65.898.158
Phải thu khách hàng	5.068.363.488	2.712.750.316	5.068.363.488	2.712.750.316
Trả trước cho người bán	18.892.000	55.000.000	18.892.000	55.000.000
Các khoản phải thu khác	712.939.198	647.856.118	712.939.198	647.856.118
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	8.878.585.632	6.484.399.593	8.878.585.632	6.484.399.593
Người mua trả tiền trước	74.233.501	54.520.073	74.233.501	54.520.073
Phải trả người lao động	296.424.000	-	296.424.000	-
Chi phí phải trả	2.311.594.443	1.744.033.474	2.311.594.443	1.744.033.474
Các khoản phải trả khác	2.879.631.460	2.738.305.247	2.879.631.460	2.738.305.247

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

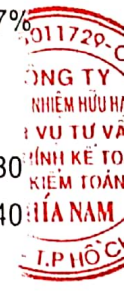
Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại cuối niên độ kế toán cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	28,2%	26,2%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	71,8%	73,8%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	26,1%	19,3%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	73,9%	80,7%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,10	-
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,40	0,30
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,10	1,40
Tỷ suất sinh lợi			
		06 tháng đầu năm nay	06 tháng đầu năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,9%	4,3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5,5%	3,5%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	1,6%	1,6%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	1,3%	1,3%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân			
	%	1,7%	1,5%



14. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho 06 tháng đầu năm 2020 kết thúc ngày 30/6/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) soát xét.

Người lập biểu


Hứa Ngọc Chính


Kế toán trưởng


Hứa Ngọc Chính

Bình Dương, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Giám đốc




Trương Văn Hiện